TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒA VANG** **TP. ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/DS-ST
Ngày 23 tháng 3 năm 2021
"V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH`
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA VANG - TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Huỳnh Thị Thu Thương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Tán Nghị
Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Văn Vỹ – là Thư ký Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 23.3.2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hoà Vang, thành phố Đà Nẵng mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 137/2020/TLST- DS ngày 10 tháng 11 năm 2020 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST-DS ngày 26/02/2021 giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1968; Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện H, thành phố Đ, có mặt.

* **Bị đơn:** Bà Bùi Thị Kim P; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ, có mặt.

*** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê T; Địa chỉ: thôn T, xã H, huyện H, thành phố Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện đề ngày 02.10.2020 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn Nguyễn Thị H trình bày:

Giữa bà Nguyễn Thị H và bà Bùi Thị Kim P có quan hệ họ hàng với nhau nên ngày 10.6.2019 bà H có cho bà P mượn số tiền là 270.000.000đ (Hai trăm bảy mươi triệu đồng) đề làm ăn, hai bên không thỏa thuận lãi suất, ngày 06.7.2019 bà P tiếp tục mượn của bà H số tiền là 230.000.000đ (hai trăm ba mươi triệu đồng) viết cùng vào 1 tờ giấy mượn tiền, hai bên không thỏa thuận mức lãi suất. Tổng số tiền bà Bùi Thị Kim P mượn của bà Nguyễn Thị H là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Bà

P có viết giấy mượn tiền và có giao cho bà H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất do ông Lê T là chồng của bà P đứng tên để làm tin giữa các bên và hẹn lúc nào trả tiền thì lấy lại GCNQSD đất. Đến ngày 01.9.2019, bà P đến nhà bà H lấy lại GCNQSD đất trên, hẹn sẽ vay ngân hàng để trả số tiền 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng) cho bà H trong vòng 10 ngày sau, nội dung này đã được bà P viết thêm vào mặt sau của tờ giấy mượn tiền. Bà H đã giao lại GCNQSD đất trên cho bà P. Tuy nhiên, từ đó đến nay bà P vẫn không chịu trả tiền cho bà H mặc dù bà H nhiều lần liên lạc nhắc nhở nhưng bà P chỉ hứa hẹn mà không trả cho bà H bất kỳ số tiền nào. Nay bà H khởi kiện yêu cầu bà Bùi Thị Kim P phải trả số tiền gốc là 500.000.000đồng và tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất 10%/năm tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả tiền là ngày 12.9.2019 đến ngày 02.11.2020 là 57.123.288đ và tính lãi tiếp theo cho đến ngày xét xử.

* Tại bản tự khai ngày 13/11/2020, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay bị đơn Bùi Thị Kim P trình bày:

Bà thừa nhận có nợ tiền của bà Nguyễn Thị H, số tiền mượn tiền của bà H nhiều lần và tổng cộng số tiền mà bà P mượn của bà H là 500.000.000đ (Năm trăm triệu đồng). Bà P có ghi giấy mượn nợ và giao cho bà H 01 GCNQSD đất do ông Lê T là chồng của bà đứng tên, hứa vài ngày sau sẽ trả tiền lấy lại GCNQSD đất về. Bà P có trả lãi hằng tháng cho bà H đến tháng 8.2019, bà cho rằng việc vay mượn tiền của bà và bà H không liên quan đến ông Lê T là chồng của bà P, ông T không biết gì về việc mượn tiền giữa bà và bà H. Đến khi ông T phát hiện không có GCNQSD đất thì bà P nói cho ông T biết về việc mượn tiền giữa mình và bà H. Lúc này bà P cũng không còn khả năng để trả tiền cho bà H, ngày 01. 9.2019 bà P đến nhà bà H lấy lại GCNQSD đất về nhằm mục đích vay tiền ngân hàng để trả tiền cho bà H, cùng lúc này bà P xin bà H không trả lãi nữa đồng thời viết giấy hẹn 10 ngày sau sẽ trả tiền. Bà H đồng ý trả lại GCNQSD đất và không lấy tiền lãi của bà P. Bà P có đến ngân hàng để vay tiền nhưng ngân hàng từ chối không cho bà vay vì lí do bà P có tên nợ xấu ở ngân hàng. Thời gian đó bà P vẫn xoay sở nhiều chỗ để kiếm tiền trả cho bà H nhưng không được, hiện giờ bà rất khó khăn không có tiền trả một lần đủ 500.000.000đ. Tại phiên tòa bà P yêu cầu trả dần mỗi năm là 100.000.000đ tiền gốc, và không đồng ý trả số tiền lãi chậm trả theo yêu cầu, bà cho rằng bà H không phải là tổ chức tín dụng nên không có quyền lấy tiền lãi.

* Tại bản tự khai ngày 23.3.2021, và tại phiên tòa hôm nay người có quyền và nghĩa vụ liên quan Lê T trình bày:

Ông không liên quan gì đến việc vay tiền hay nhận tiền gì giữa bà Bùi Thị Kim P (vợ của ông) và bà Nguyễn Thị H, ông có mặt tại phiên tòa vì lời mời của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, tp Đà Nẵng. Sau khi phát hiện không có GCNQSD đất ở nhà thì ông đã hỏi bà P và được biết bà P mang đi vay tiền của bà

H nên ông yêu cầu bà P mang GCNQSD đất về, ông hoàn toàn không biết việc vay mượn tiền của vợ là Bùi Thị Kim P. Hiện tại ông đã lấy lại GCNQSD đất nên không có yêu cầu gì và cũng không đồng ý cùng bà P trả nợ cho bà H.

* Tài liệu, chứng cứ của vụ án gồm : Giấy mượn tiền (bản photo và bản gốc); Chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà H (bản sao), Chứng minh nhân dân của bà P (bản photo); Bản tự khai của nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và địa chỉ nơi cư trú của bị đơn thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

[2] Bà Nguyễn Thị H và bà Bùi Thị Kim P có quan hệ họ hàng với nhau, ngày 20.6.2019 và ngày 06.7.2019 bà Bùi Thị Kim P có viết giấy mượn tiền của bà Nguyễn Thị H với tổng số tiền là 500.000.000đ. Bà P có giao cho bà H 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng (GCNQSD) đất đứng tên ông Lê T (là chồng của bà P) để làm tin. Ngày 01.9.2019 bà P viết giấy nhận lại GCNQSD đất và hẹn 10 ngày sau trả số tiền 500.000.000đ, tuy nhiên đến hẹn trả nợ, mặc dù bà Hà nhiều lần yêu cầu bà P trả nợ nhưng bà P không trả. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà P xác nhận nợ bà H số tiền 500.000.000đ (năm trăm triệu đồng) và yêu cầu được trả dần mỗi năm 100.000.000đ, bà P không đồng ý trả lãi theo yêu cầu của nguyên đơn. Ông Lê T (chồng bà P) xác nhận không biết việc bà P cầm GCNQSD đất của nhà mang đi vay tiền nên không đồng ý cùng bà P trả nợ, vợ chồng ông xác định đã nhận lại GCNQSD đất và không có yêu cầu đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Xét thấy, bà Bùi Thị Kim P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên việc bà Nguyễn Thị H khởi kiện yêu cầu bà P thanh toán số tiền gốc 500.000.000đ là có cơ sở và đúng theo quy định pháp luật, ông T xác định không biết việc bà P mượn tiền của bà H nên HĐXX căn cứ các Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự buộc bà Bùi Thị Kim P phải thực hiện nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc là 500.000.000đ. Đối với yêu cầu tính lãi mỗi năm 10%/năm, xét thấy thỏa thuận vay mượn tiền giữa bà H và bà P ban đầu có thỏa thuận lãi suất, nhưng đến ngày 01.9.2019 thì hai bên thống nhất trả số tiền gốc 500.000.000đ trong thời hạn 10 ngày và không thỏa thuận lãi suất, do đó khoản thời gian 10 ngày bà H không tính lãi và chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả tính từ ngày vi phạm nghĩa vụ trả nợ, ngày 12.9.2019 đến ngày xét xử 23.3.2021 là phù hợp với quy định của pháp định nên được chấp nhận, HĐXX căn cứ khoản 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự buộc bà Bùi Thị Kim P trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền lãi tương ứng với số tiền gốc là 500.000.000đ trong

thời gian 18 tháng 11 ngày (từ ngày 12.9.2019 đến ngày 23.3.2021) là 76.506.849đ (bảy mươi sáu triệu năm trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng). Tổng cộng bà Bùi Thị Kim P phải trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền gốc và lãi tính đến ngày 23.3.2021 là 576.506.849đ (năm trăm bảy mươi sáu triệu năm trăm lẻ sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng).

[3] Án phí dân sự sơ thẩm bà Bùi Thị Kim P phải chịu theo qui định của pháp luật là [20.000.000đ + (176.506.849đ x 4%)] = 27.060.273đ. (Hai mươi bảy triệu không trăm sáu mươi nghìn hai trăm bảy mươi ba đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463, khoản 1, 4 Điều 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với bà Bùi Thị Kim P về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản".

Xử:

1. Buộc bà Bùi Thị Kim P phải trả cho Nguyễn Thị H số tiền gốc 500.000.000đ *(năm trăm triệu đồng)* và tiền lãi tính từ ngày 12.9.2019 đến ngày 23.3.2021 là 76.506.849đ *(bảy mươi sáu triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng)*. Tổng cộng là 576.506.849đ *(năm trăm bảy mươi sáu triệu, năm trăm lẻ sáu nghìn, tám trăm bốn mươi chín đồng)*.

Kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu một khoản tiền lãi đối với số tiền chậm thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm Bùi Thị Kim P phải chịu theo qui định của pháp luật là 27.060.273đ *(hai mươi bảy triệu, không trăm lẻ sáu nghìn, hai trăm bảy mươi ba đồng)*. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng án phí 13.142.000đ *(mười ba triệu, một trăm bốn hai nghìn đồng)* đã nộp tại biên lai thu số 0000467 ngày 10.11.2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoà Vang.

Báo cho các bên đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm hôm nay, ngày 23.3.2021.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành

án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Những người TGTT;
- VKSND h. Hoà Vang;
- Chi cục THADS h. Hoà Vang;
- Lưu hồ sơ;

(đã ký)

Huỳnh Thị Thu Thương